

## TƯ LIỆU



## DÂN TỘC HỌC

# TẬP TỤC TRONG SINH ĐẼ Ở NGƯỜI MƯỜNG, HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

NGUYỄN THỊ SONG HÀ

Người Mường là cư dân sinh sống lâu đời của tỉnh Hòa Bình, tập trung ở bốn Mường lớn là: Bi, Vang, Thàng, Động. Kim Bôi là một huyện miền núi thuộc tỉnh này, nằm trên địa bàn chuyển tiếp giữa miền núi Tây Bắc và đồng bằng Bắc Bộ, có 35 xã và 2 thị trấn, dân số là: 132.222 người (tính đến ngày 31/12/2000), gồm 8 dân tộc Mường, Kinh, Dao, Tày, Hoa..., trong đó, dân tộc Mường chiếm 70 %. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến những tập tục liên quan đến sinh đẻ của người Mường ở huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

### 1. Quan niệm về sinh đẻ

Quan niệm truyền thống của người Mường là "đông con đông của", đông con là nhà có phúc, bởi con cái là nguồn lao động, là nơi nương tựa lúc về già. Vì thế, trai gái sau khi xây dựng gia đình thì việc có con là điều mong ước không chỉ của đôi vợ chồng trẻ mà còn cả của bố mẹ hai bên gia đình và của họ hàng.

Người Mường quan niệm rằng những đôi vợ chồng không có con là do ăn ở thiếu nhân đức hoặc kiếp trước làm nhiều điều ác nên đến kiếp này bị mường Trời trừng phạt. Những người phụ nữ không sinh được con thường bị xã hội chê cười, gia đình dòng họ nhà chồng khinh rẻ, bạc đãi. Những đôi vợ chồng không có con thường lo lắng phải sống trong cô đơn, bởi sẽ không có ai trông nom khi tuổi già, sức yếu.

Người Mường luôn mong muốn có con trai đầu lòng để nối dõi tông đường. Nếu gia đình nào sinh toàn con gái thì họ phải tiếp tục đẻ để kiếm con trai, nếu không có con trai thì phải lấy

ré đời để có người hương khói, và họ thường chọn ré đời là con của gia đình đông con trai.

### 2. Các tập quán, nghi lễ liên quan đến việc bảo vệ thai nhi

Việc sinh đẻ của người Mường ở huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình do mỗi gia đình tự lo liệu. Tất cả mọi khâu từ khi thai nghén, chăm sóc thai nhi ... đến lúc sinh đẻ, người phụ nữ đều luôn nhận được sự giúp đỡ của chồng và gia đình nhà chồng. Các bậc cha mẹ, đặc biệt là mẹ chồng thường là người có trách nhiệm và quan tâm nhất. Mẹ chồng chỉ bảo con dâu và con trai những kinh nghiệm trong việc bảo vệ thai nhi, mách bảo các loại thuốc nam, rễ cây rừng cùng các tập quán, nghi lễ liên quan đến sinh đẻ.

Trong suốt thời kỳ mang thai, người phụ nữ vẫn tiến hành các công việc lao động sản xuất bình thường, chỉ trong các ngày cảm thấy mệt mỏi họ mới nghỉ ở nhà làm các công việc nhẹ. Theo quan niệm của đồng bào thì chính các hoạt động lao động hàng ngày sẽ làm cho người phụ nữ dễ dễ dàng hơn và giảm bớt những suy nghĩ, lo lắng về vị thế trong xã hội trong thời kỳ sinh đẻ. Tuy nhiên, những người phụ nữ có thai cũng được giảm bớt công việc nặng nhọc. Người Mường cho rằng nhiều phụ nữ khi có chửa, đặc biệt là chửa con đầu lòng thường có cảm giác xấu hổ, ngại giao tiếp với người ngoài nên họ thường được gia đình bố trí cho làm các công việc nhẹ trong gia đình, hạn chế tham gia các công việc ở những nơi đông người. Có thể nói đây là một đặc điểm chung không chỉ có ở người Mường mà còn ở các dân tộc khác ở vùng nông thôn miền núi.



Trong thời kỳ mang thai người phụ nữ kiêng không làm các việc quá sức, không được với tay quá cao; phải luôn luôn vui vẻ, tránh nóng giận và tránh xa các cảnh tượng hãi hùng. Lúc mang thai, người phụ nữ kiêng tắm bồn vì sợ thai to khó đẻ; kiêng không đi ăn cưới; không đi đám ma vì sợ dẫm vào vỏ cây dóng quan tài sẽ bị sẩy thai hoặc sau này đẻ con sẽ bị *reng*, tức bị phì nước dãi; kiêng không bước qua dây thừng buộc trâu và kiêng ngồi vào cày, bừa vì sợ đẻ con già tháng; kiêng không ngồi vào chày giã gạo vì sợ sau này đứa trẻ sẽ bướng bỉnh; kiêng không đánh rần vì sợ sau này lưỡi đứa trẻ luôn bị thè ra... Đối với những phụ nữ dạ con bị nông, họ phải kiêng không được làm việc gì quá mạnh và không được đứng lên ngồi xuống nhiều...

Về ăn uống, người Mường không cho phụ nữ mang thai ăn một số loại thức ăn như hai quả dính nhau vì sợ đẻ sinh đôi; không ăn thịt các con vật bị chết vì lo sau khi sinh sản phụ bị thiếu máu; không ăn ốc vì sợ con nhiều dãi dốt và đẻ dày; không ăn cá nướng và cá nấu canh vì sợ đẻ con khó ra nhau thai; kiêng uống nước đựng trong ống bương đã chặt vát đầu bởi sợ sau này con sẽ sút môi; kiêng ăn thịt chó, thịt trâu vì sợ da con sau này sẽ giống da chó, da trâu; kiêng ăn thịt vịt đục vì sợ đẻ ra đứa con trai đa tình; kiêng không ăn rau bí vì rau bí có nhiều tay, sợ độc và đứa con sau này hay bị bệnh sài...

Trong xã hội Mường, người phụ nữ mang thai không được tham gia vào các lễ hội của xóm làng cũng như các nghi lễ tôn giáo khác. Người Mường cho rằng thời kỳ mang thai thân thể của người phụ nữ không được sạch sẽ và nếu họ đến đó thân linh sẽ không phù hộ cho dân làng. Khi vợ mang thai, người chồng cũng phải tuân thủ một số điều kiêng kị nhất định như không được khiêng quan tài; không được lợp nóc nhà. Vào những tháng sắp đẻ, người phụ nữ mang thai thường làm những việc vặt ở quanh nhà, tự chuẩn bị váy áo, đồ dùng cho bản thân khi sinh đẻ, may sắm quần áo, tã lót cho đứa con sắp chào đời.

Đối với những thai phụ hay bị mệt mỏi và đau ốm, người ta thường động viên, cho uống thuốc nam hoặc mời bà đồng, thầy cúng tới cúng chữa

bệnh. Chẳng hạn những thai phụ bị đau bụng, người ta tìm những thứ cây như lá *cây kéo*, *cây bầu*, *lá có*, *lá húng*, *lá ca vàng*, *lá chanh*, đem vò tươi và lọc lấy nước cho thai phụ uống ba hộp, sau đó lấy khăn nhúng vào chỗ nước còn lại rồi vuốt từ trên ngực xuống bụng thai phụ. Đối với những người có thai ba đến bốn tháng mà bị động thai hoặc đã nhiều lần sẩy thai, đẻ non, người ta thường mời bà lang đến làm nước chữa trị, bởi theo họ đó là do con hùm, con vua thù ý muốn ăn thịt đứa trẻ. Nếu bị nặng hơn, người ta phải nhờ thầy cúng, bà đồng đến tổ chức cúng ma, cúng tổ tiên, cúng bà mẹ cầu mong cho bà mẹ và thai nhi được khỏe mạnh.

### 3. Các tập quán, nghi lễ liên quan đến sinh đẻ

Phụ nữ Mường ở huyện Kim Bôi thường đẻ ngồi và đẻ trong nhà của mình. Người Mường cho rằng, con gái đã đi lấy chồng là con người ta, vì vậy cháu ngoại đã mang dòng máu khác, nếu để máu rơi trong nhà sẽ mang lại nhiều điều rủi ro. Vì vậy, đã là phận gái lấy chồng thì phải đẻ ở nhà chồng; nếu cô gái nào đến kỳ sinh nở về thăm bố mẹ đẻ mà trở dạ thì cô ta phải đẻ dưới sân nhà. Chỉ trong trường hợp lấy chồng về ở rể, con gái mới được sinh đẻ ở nhà bố mẹ đẻ. Người Mường kiêng không cho người lạ đẻ tại nhà mình bởi cho rằng như thế là điềm xúi quẩy. Theo tục lệ, khi thấy sản phụ đau bụng trở dạ, mọi công việc trong gia đình phải ngừng lại và tất cả mọi thành viên trong gia đình đều có trách nhiệm giúp đỡ sản phụ như thu dọn chỗ đẻ sản phụ đẻ, nhóm bếp, đun nước, chuẩn bị dụng cụ cắt rốn cho đứa trẻ, đi gọi người đỡ... Chỗ đẻ của sản phụ là ở cạnh bếp (bếp riêng trong buồng của hai vợ chồng). Người ta đốt một đồng lửa và có thể lửa được giữ liên tục trong một tháng sau khi sản phụ đẻ. Người Mường cho rằng hơi ấm của lửa sẽ làm cho máu của sản phụ dễ lưu thông, không bị đau lưng, phòng tránh bệnh phong hàn, giúp da sản phụ hồng hào, mau hồi sức sau khi sinh... Đồng thời lửa còn có tác dụng hơi nóng tã lót, xua đuổi côn trùng, đặc biệt là đuổi các hồn, vía xấu, ma làm hại. Khi đẻ, sản phụ thường ngồi trên một cái ghế hoặc một cái bao trong đó có đựng quần áo cũ hoặc chân cũ, hai tay bám vào



một sợi dây buộc từ trên quá giang nhà thông xuống do người chồng chuẩn bị từ trước. Đỡ đẻ cho sản phụ thường là mẹ chồng hoặc bà đỡ. Khi sản phụ đang đẻ bố chồng và anh em trai chồng không được đến gần chỗ đó vì sợ người đẻ xấu hổ, sẽ khó đẻ. Phụ nữ đang có thai hoặc chưa sinh con lần nào cũng kiêng không đến chỗ người đẻ, bởi đồng bào quan niệm rằng những người này tiếp xúc với người đẻ thì tạo cho họ tâm lý sợ sệt, làm cho khó đẻ.

Gặp trường hợp khó đẻ, người ta mới nhờ đến người giỏi đỡ đẻ trong làng hoặc mời bà lang đến giúp đỡ. Bà lang sẽ chế biến một loại nước cho sản phụ uống. Để có thứ nước này, bà lấy 3 lát gừng cùng với lá húng, lá ca vàng, lá cây bầu, lá có, lá cây kéo đem vò hoặc giã nhỏ rồi hoà với nước (khoảng 1 chai). Sau đó, bà lấy nước này cho sản phụ uống ba hớp và vuốt từ trên ngực xuống bụng từ từ để kích thích sản phụ đẻ nhanh hơn. Vừa vuốt cho sản phụ bà lang vừa hát nhỏ: *Con tôi cha trường trẻ nòng, rộng đường rộng thá cho con tôi ra, tha cho lưới cho lành, cho con hơ tha. Đàn ông thì ra mà nhận đấm cả, đàn bà thì ra mà nhận bả chùng, tung ra cho đẻ cáy, ra vậy con* (Dịch nghĩa: con tôi trẻ người non dạ, xin mở rộng đường, rộng xá cho con tôi được ra đời. Nếu là con trai thì ra mà nhận đấm cả, nếu là con gái thì ra mà nhận màn chùng. Con ơi ra nhanh lên con). Tất cả các nghi lễ, thủ thuật và kinh nghiệm được sử dụng khi phụ nữ sinh đẻ nhằm mục đích làm sao cho được “mẹ tròn con vuông”, tạo tâm lý tự tin cho sản phụ và cho những người giúp sản phụ đẻ. Tuy nhiên phần lớn các nghi lễ, thủ thuật đều có màu sắc mê tín, ít có tác dụng đến việc cứu chữa. Trước đây chưa có mạng lưới y tế, khi thực hiện hết các khả năng cứu chữa mà sản phụ vẫn chưa đẻ được thì họ chỉ biết trông chờ vào số mệnh. Vì thế đẻ nhiều nhưng chết cũng nhiều là hiện tượng phổ biến. Ngày nay, do có mạng lưới y tế ở cấp xã và huyện nên gặp trường hợp khó đẻ người ta thường đem sản phụ đến trạm xá, bệnh viện để can thiệp.

Khi đứa trẻ vừa lọt lòng, người ta dùng thanh nứa làm dao để cắt rốn. Thanh nứa này được lấy

từ chiếc rui trên mái nhà. Nếu đẻ con trai thì dao nứa được lấy từ chiếc rui ở mái trước; nếu là con gái bấp ở mái sau. Sở dĩ có sự khác biệt như vậy là do trong sinh hoạt thường ngày, gian dằng trước chỉ dành riêng cho nam giới, còn gian dằng sau thường là dành cho phụ nữ. Để cắt rốn, người ta đo rốn theo chiều dài từ đầu rốn ở bụng xuống khoảng 5 cm, sau đó lấy đoạn chỉ buộc ở ba chỗ: một chỗ ngay sát đầu rốn, một ở chỗ mới cắt, tiếp theo buộc thêm một đoạn giữa hai đầu rốn đã buộc. Khi cắt rốn xong, thanh nứa lại được giặt lên mái nhà. Đứa bé được bà đỡ tắm rửa sạch sẽ bằng nước lá cây đun sôi đủ ấm, sau đó được đặt vào trong một cái nia có lót một tàu lá chuối đã hơ qua lửa (*rùng cùm*). Trẻ sơ sinh nếu là gái, người nhà lấy hông đồ xôi bằng gỗ, nếu là con trai - lấy cái chài đánh cá cũ và đập nhẹ xuống sàn nhà, miệng nói: *Hỡi con gái dậy mà kéo tơ, chần tằm, dệt vải / Hỡi con trai dậy mà đi kéo chài kiếm cá*. Họ gọi và đập như thế vài ba lần, chờ khi đứa trẻ khóc to lên, mới đỡ dậy, mặc áo, quấn tã.

Sản phụ đẻ xong được tắm rửa sạch sẽ ngay bằng nước nấu với lá thuốc và sưỡi lửa nhằm chống hậu sản, điều kinh, bổ máu, chống đau bụng; giúp cho sản phụ phục hồi sức khỏe mau chóng sau khi sinh. Khi sản phụ đẻ xong, bà đỡ lấy nhau thai rửa sạch cho vào một cái giỏ, hoặc một chiếc ống bương đục kín đưa cho bố đứa trẻ hay người thân trong gia đình mang chôn ở chỗ rửa chân gần cầu thang trước khi vào nhà hoặc treo lên một cành cây ở trong rừng nơi ít có người qua lại. Khi chôn, ống bương phải được dựng đứng, không được đặt nằm ngang hoặc để lệch; còn nếu treo lên trên cành cây thì không được treo quá cao. Lúc đem nhau thai đi cũng như khi quay về, người thực hiện không được nhìn ngang hoặc ngoái đầu lại, tránh gặp người lạ, không cho ai biết việc mình đang làm, không được tạt ngang và phải làm một mạch cho xong. Khi cuống rốn rụng, người ta đem gài lên mái gianh ngay chỗ cầu thang.

Sản phụ nào đẻ con vào ngày giữa tháng, gia đình sản phụ phải đặt một con dao ở đầu giường; trong nhà không được đốt đèn sáng để tránh cho



sản phụ không mê sảng, để những con ma xấu sợ, không thấy đường vào nhà hại đứa trẻ và sản phụ. Còn sản phụ nào trở dạ sinh con vào ngày ông bà mất, ngày cơm mới, gia đình phải làm một mâm cơm có gà, xôi và cá để cúng trình báo tổ tiên.

Theo tập quán, khi sinh con đầu lòng người phụ nữ phải nằm cạnh bếp khoảng 40 ngày, con thứ hai có thể ít hơn, con thứ ba nằm cạnh bếp 15 – 20 ngày và phải kiêng rất nhiều trong ăn, uống. Nước uống dùng cho sản phụ là nước nấu hỗn hợp các loại cây thuốc, chủ yếu lấy ở quanh nhà hoặc trong rừng như lá cây *giếng*, rễ cây *bông báo*, *cây bang*, vỏ *bưởi đào*, vỏ *cây bùi*, *rễ cỏ ngải*... đem đun sôi uống dần. Theo nhận thức của đồng bào, trong tháng ở cũ, sản phụ uống nước nấu với các vị thuốc này có tác dụng giúp sản phụ mau chóng hồi sức, bổ máu, tiêu máu độc ở dạ con, chóng hết sản dịch, tăng cường sữa, đồng thời qua sữa mẹ chống các bệnh sài ở trẻ sơ sinh. Để tránh nhiễm một số bệnh cũng như để da sản phụ hồng hào trở lại, người ta dùng lá *cây mấu* đun thành nước tắm, gội cho cả mẹ lẫn con. Thời gian tắm nước lá mấu khoảng 9 đến 10 ngày, mỗi ngày hai lần. Thời gian ở cũ của người Mường là 7 (sinh con trai) hoặc 9 (sinh con gái). Đứa trẻ ra đời dù thời gian đó gọi là đầy cũ. Tuy nhiên thời gian đầy cũ của đứa trẻ ở một số vùng Mường có sự khác nhau. Chẳng hạn, ở xóm Cháo I (xã Kim Tiến, huyện Kim Bôi) thời gian ở cũ khi sinh con đầu lòng là từ 10 ngày trở lên; còn với đứa thứ hai, thời gian ở cũ chỉ là 8 ngày, bởi người ta quan niệm thời gian ở cũ nếu bằng nhau thì anh em trong nhà hay cãi vã, không có tôn ti trật tự.

Khi đứa trẻ sinh được 3 ngày, gia đình phải làm một mâm cơm có trứng, thịt cho trẻ *đi chân trâu*. Bố đứa trẻ bế con ra khỏi buồng để đi ra phía cửa (bé trai ra cửa *voóng* bên ngoài, bé gái ra cửa *voóng* bên trong), đặt đứa bé nằm xuống và nói: “Hôm nay cho trẻ đi chân trâu để lớn lên trẻ biết làm việc giúp đỡ bố mẹ” (“đi lên rừng chặt cây, kiếm củi” – nếu là con trai; “đi giã gạo, hái măng, dệt vải” – nếu là con gái)... Sau khi nói

xong, người bố lại bế đứa trẻ vào và đặt nó nằm cạnh sản phụ.

Hết thời gian cũ, người ta làm *lễ thả ổ* nhằm tạ ơn vua bếp và cúng các bà mẹ. Lễ vật cúng vua bếp là một con lợn nhỏ, còn cúng bà mẹ có 7 hoặc 9 bát nước thuốc. Số lượng bát nước thuốc phụ thuộc vào sản phụ sinh con trai hay con gái. Sau lễ cúng, sản phụ uống mỗi bát một ít nước thuốc để cầu mong cho con mình khỏe mạnh.

Về ăn uống, thức ăn chủ yếu của sản phụ là cơm lam và muối nướng. Với những gia đình khá giả, sản phụ được ăn cơm với thịt lợn nạc, thịt gà luộc xé nhỏ rồi kho cùng với nghệ và gừng. Trong thời gian ở cũ, sản phụ được ăn nhiều cơm nếp, đậu tương hầm với thịt gà, trứng gà nấu với nghệ, gừng... Ngoài ra có thể ăn thêm các món nấu canh như ngải cứu, đu đủ xanh, quả bầu non ... để cho nhiều sữa. Một số nơi, người ta kiêng không cho sản phụ ăn những thức ăn nguội, các loại rau nhiều nước như rau cải, ngọn bí, quả mướp...; không ăn các thứ chua như chanh, dưa chua, hạt dổi và một số thức ăn khác như thịt trâu, lươn, vịt, ngan, mỡ lợn; kiêng một số loại cá (chuối, trê, trạch) và thủy sản (ốc, hến, tôm) vì sợ lạnh. Họ còn cho rằng các loại thức ăn trên sẽ làm rã thuốc, sữa mẹ không tốt và như vậy, sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của đứa trẻ (gây ra kém bú, ngủ ít, tiêu chảy, còi cọc...). Họ ít uống nước chè, nước lã đun sôi để nguội mà uống nước đun với các thứ cây có vị chát, ngọt có tác dụng ngăn tiêu chảy, bồi bổ cơ thể, kích thích ăn ngon miệng. Với những sản phụ thiếu sữa, họ cho ăn nhiều cơm nếp, uống nước nấu với các loại cây thuốc như rễ *bông báo*, củ *riêng*; uống nước quả sung, cây dây leo - cây chè vôi hoặc lấy lá đu đủ cho vào cối giã nhỏ với muối, sau đó đốt khô, để nguội, trộn với cơm nếp cho sản phụ ăn. Theo đồng bào làm theo cách này sẽ giúp sản phụ có nhiều sữa và sữa xuống nhanh hơn.

Khi trong nhà có người ở cũ, người Mường làm dấu hiệu báo từ lúc đi chôn nhau thai về để người lạ biết và không vào nhà. Vật báo hiệu thường là cành lá xanh được buộc ở cạnh cổng ra vào. Thật ra, ngoài việc báo cho người ngoài biết trong nhà có người ở cũ, việc làm này còn nhằm



báo cho các vị thần linh và bà mẹ biết mà phù hộ cho sản phụ và đứa trẻ. Theo quan niệm của đồng bào, dấu hiệu cấm cử ấy còn có ý nghĩa ngăn không cho các loại ma quỷ xấu vào nhà quấy đứa trẻ. Tuy nhiên, người Mường không quan tâm nhiều đến việc người lạ vào nhà mà chỉ ngại người lạ vào buồng sản phụ, vì sợ rằng người lạ có vía độc hay các bệnh tật, ảnh hưởng xấu đến đứa trẻ, sợ “hồn đứa trẻ đi theo khách”. Với quan niệm sinh đẻ là điềm dữ, người phụ nữ và trẻ sơ sinh không được sạch sẽ nên người ngoài gia đình, nhất là các thầy cúng, thầy mo và những người chuẩn bị làm những nghi lễ long trọng không muốn vào thăm những người đang ở cử bởi sợ ảnh hưởng đến công việc. Trong những ngày ở cử sản phụ không được đến những nơi thờ cúng trong nhà, nơi ủ và nấu rượu; không hái rau, hái quả; không được tham gia vào lễ hội của làng.

Trong 3 ngày đầu của thời gian ở cử - tức khi đứa trẻ mới sinh chưa được đặt tên, là thời gian phải kiêng kỵ ngặt nghèo nhất. Vì thế, thường sau khi sinh 3 ngày, người trong họ mới tới thăm sản phụ; còn với dân làng thì phải sau 7 ngày. Những người đến thăm thường đem theo con gà hay chân giò, vài bó gạo nếp, ít bánh kẹo để chúc mừng sản phụ đã “vượt cạn”, “mẹ tròn con vuông”, chúc đứa trẻ hay ăn chóng lớn. Người Mường có một số kiêng kỵ đối với người đến thăm sản phụ và đứa trẻ: những người bị coi là người *nặng vía*, hay đang có kinh không được đến thăm trẻ nhỏ vì theo họ sẽ làm đứa trẻ khóc đêm; những người mới có tang cũng không được đến vì sợ đem nhiều điều rủi ro đến cho đứa trẻ. Nếu người nào đến thăm để đứa trẻ khóc nhiều, người ta phải làm *đánh bốn*, tức phải lấy muối rắc vãi xung quanh nhà để đuổi ma xấu đã theo người lạ vào làm hại đứa trẻ.

Trong thời gian ở cử và nuôi con bú, nếu bị ốm, sản phụ chỉ được uống thuốc lá cây thông thường, ăn cơm hoặc cháo cùng thức ăn như lúc sinh đẻ. Việc chữa bệnh cho sản phụ bị ốm phổ biến là dùng các loại thuốc lá đun với nước để rửa chỗ đau, tắm gội, xoa bóp ... Kết hợp với việc

chữa chạy bằng thuốc lá, lễ cúng khá phổ biến - thường là cúng ma tổ tiên, các loại ma được nghi là thủ phạm gây bệnh. Suốt thời gian sản phụ ốm người ta vẫn để đứa trẻ nằm bên cạnh nhưng có sự túc trực của các thành viên trong gia đình. Trường hợp sản phụ ốm không thể cho con bú, người ta bế đứa trẻ đi xin sữa của các bà mẹ trong làng.

\*  
\*   \*  
\*

Qua trình bày trên đây cho thấy, với người Mường ở huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình, quá trình mang thai và sinh đẻ của sản phụ liên quan đến rất nhiều kiêng kỵ và lễ nghi, với mục đích bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh. Tuy một số kiêng kỵ và lễ nghi còn mang tính chất mê tín, song nhìn chung, đó là biểu hiện của cung cách ứng xử của người Mường ở đây với môi trường tự nhiên và xã hội. Những tập tục trong sinh đẻ cũng chính là biểu hiện tri thức dân gian của người Mường về lĩnh vực này. Qua đó, chúng ta vẫn có thể tìm thấy những yếu tố tích cực để đóng góp cho công cuộc chăm sóc sức khoẻ cộng đồng của người dân hiện nay.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bùi Chí. *Văn hóa ẩm thực dân gian Mường*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2001
2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kim Bôi. *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Bôi (1930 -2000)*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2001
3. Nguyễn Thị Thanh Nga, Nguyễn Ngọc Thanh. *Người Mường ở Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình*, Nxb Văn hóa Thông tin, 2003.
4. Nguyễn Ngọc Thanh. *Tục lệ sinh đẻ và nuôi con ở người Mường huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ*, Tạp chí Dân tộc học, số 3, 1997.
5. Nguyễn Ngọc Thanh. *Gia đình và hôn nhân của người Mường tỉnh Phú Thọ*, luận án tiến sĩ sử học, chuyên ngành dân tộc học, 1999.
6. Jean Cussinier. *Người Mường (địa lý nhân văn và xã hội học)*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1995.